



CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT

TIÊU CHUẨN SỐ 3

HƯỚNG DẪN VỀ VIỆC XUẤT KHẨU, VẬN CHUYỂN, NHẬP KHẨU VÀ PHÓNG THẢ CÁC TÁC NHÂN PHÒNG TRỪ SINH HỌC VÀ NHỮNG SINH VẬT CÓ ÍCH KHÁC

(1995)

Ban Thư ký Công ước Quốc tế về Bảo vệ thực vật

©Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012 (bản tiếng Việt)

©FAO, 1996 - 2012 (bản tiếng Anh)

Bản tiếng Việt được dịch bởi Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Lịch sử xuất bản

Đây không phải là phần chính thức của Tiêu chuẩn

- 1991-09 EWG xây dựng dự thảo
- 1992-05 TC-RPPOs bổ sung nội dung *Nguyên tắc của việc nhập khẩu và phòng thả các tác nhân phòng trừ sinh học* (1992-001)
- 1992-05 TC-RPPOs soát xét dự thảo trình lên MC
- 1993 Gửi cho MC
- 1994-05 CEPM-1 chỉnh sửa dự thảo cho hoàn thiện
- 1995-05 CEPM-2 chỉnh sửa dự thảo để thông qua
- 1995-11 Hội nghị FAO lần 28 để thông qua các Tiêu chuẩn

ISPM 3. 1995. *Nguyên tắc của việc nhập khẩu và phòng thả các tác nhân phòng trừ sinh học.* Rome, IPPC, FAO.

- 2000-05 ISC-1 added topic *Revision of ISPM No. 3* (2000-001)
- 2001-05 ISC-3 approved Specification 4 *Revision of ISPM No. 3*
- 2002-04 ICPM-4 added topic
- 2002-12 EWG soát xét dự thảo
- 2003-04 ICPM-5 chú ý các nội dung cần ưu tiên
- 2003-05 SC-7 revised standard and requested CAB (Caribbean and Latin American Regional Centre) expert review
- 2003 CAB Xem xét để đệ trình (*Các thông tin về sử dụng tác nhân phòng trừ sinh học 2003, tập. 24*)
- 2004-04 SC chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn để gửi cho MC
- 2004-06 Gửi cho MC
- 2004-11 SC soát xét để thông qua
- 2005-04 ICPM-7 Thông qua Tiêu chuẩn

ISPM 3. 2005. *Hướng dẫn về việc xuất khẩu, nhập khẩu và phòng thả các tác nhân phòng trừ sinh học và những sinh vật có ích khác.* Rome, IPPC, FAO.

2010-07 IPPC Ban thư ký áp dụng các Sửa đổi như CPM-5 đã yêu cầu (2010)

Lịch sử xuất bản: Chỉnh sửa lần cuối tháng 8, 2011

MỤC LỤC

PHẠM VI ÁP DỤNG.....	6
TÀI LIỆU VIỆN DẪN	6
THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA.....	7
KHÁI QUÁT YÊU CẦU.....	7
TỔNG QUAN.....	8

MỤC ĐÍCH CỦA TIÊU CHUẨN.....	10
YÊU CẦU.....	10
1. Chỉ định cơ quan thẩm quyền và quy định trách nhiệm chung.....	10
1.1. Các Bên tham gia	10
1.2. Trách nhiệm chung	11
2. Phân tích nguy cơ dịch hại	12
3. Trách nhiệm của các Bên tham gia trước khi nhập khẩu	13
3.1. Trách nhiệm của nước nhập khẩu.....	13
3.2. Trách nhiệm của NPPO nước xuất khẩu.....	15
4. Trách nhiệm về thủ tục hồ sơ của đối tác nhập khẩu trước khi nhập khẩu	15
4.1. Yêu cầu về hồ sơ liên quan đến sinh vật đích	15
4.2. Yêu cầu về hồ sơ liên quan đến các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích.....	16
4.3. Yêu cầu hồ sơ liên quan đến các mối nguy tiềm tàng và hành động khẩn cấp. .	16
4.4. Yêu cầu hồ sơ liên quan đến nghiên cứu KDTV.....	17
5. Trách nhiệm của bên xuất khẩu.....	17
5.1. Trách nhiệm cụ thể liên quan đến việc phóng thả sinh vật với số lượng lớn.....	18
6. Trách nhiệm của NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền khi nhập khẩu	18
6.1. Kiểm tra	18
6.2. Kiểm dịch.....	18
6.3. Phóng thả	18
7.1. Phóng thả	19
7.2. Hồ sơ.....	19
7.3. Giám sát và đánh giá	19
7.4. Biện pháp khẩn cấp	19
7.5. Truyền thông.....	19
7.6. Báo cáo.....	19

PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn này hướng dẫn việc quản lý nguy cơ liên quan đến xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc các loại sinh vật có ích khác. Tiêu chuẩn quy định trách nhiệm của các bên tham gia Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật, Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia hoặc cơ quan chức năng khác và các đơn vị xuất nhập khẩu. Tiêu chuẩn cũng đề cập đến khả năng tái tạo của các tác nhân phòng trừ sinh học (gồm các dạng kí sinh, động vật ăn thịt, thực vật ký sinh, tuyến trùng, các sinh vật ăn thực vật, mầm bệnh như nấm, vi khuẩn, virus), côn trùng bắt dục và các loại sinh vật có ích khác (như nấm Mycorrhizae và sinh vật thụ phấn) cũng như các tác nhân sinh học được đóng gói và gia công dưới dạng thương phẩm. Tiêu chuẩn còn có các điều khoản quy định việc nhập khẩu tác nhân phòng trừ sinh học ngoại lai và các sinh vật có ích khác cho mục đích nghiên cứu tại các cơ sở kiểm dịch.

Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này không bao gồm các loại sinh vật sống biến đổi gen, các vấn đề liên quan đến đăng ký thuốc trừ dịch hại sinh học hoặc các tác nhân vi sinh sử dụng để phòng trừ dịch hại là động vật có xương sống.

TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- CBD. *Công ước Đa dạng sinh học*, Montreal, 1992
- IPPC. *Công ước Quốc tế về Bảo vệ thực vật*, 1997
- ISPM số 2. *Hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại* (PRA), FAO, Rome, 1996.
- Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp KDTV (ISPM) số 5. *Thuật ngữ và định nghĩa KDTV*, FAO, Rome, 2004.
- ISPM số 11. *PRA đối với dịch hại KDTV, bao gồm phân tích nguy cơ về môi trường và sinh vật sống biến đổi gen*, FAO, Rome, 2004
- ISPM số 12. *Hướng dẫn về Giấy chứng nhận KDTV*, FAO, Rome, 2001.
- ISPM số 17. *Báo cáo dịch hại*, FAO, Rome, 2002.
- ISPM số 19. *Hướng dẫn về danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh*, FAO, Rome, 2003.

- ISPM số 20. Hướng dẫn về hệ thống quy định KDTV nhập khẩu, FAO, Rome, 2004.

THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Định nghĩa các thuật ngữ kiểm dịch thực vật (KDTV) được nêu tại ISPM 5 (*Thuật ngữ và định nghĩa về kiểm dịch thực vật*).

KHÁI QUÁT YÊU CẦU

Tiêu chuẩn này hướng dẫn việc xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc các sinh vật có ích khác một cách an toàn. Các Bên tham gia IPPC, NPPO, các cơ quan chức năng khác và các Bên xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm thực hiện tiêu chuẩn này.

Các Bên tham gia hoặc các cơ quan thẩm quyền xem xét và áp dụng các biện pháp KDTV phù hợp liên quan đến việc xuất nhập khẩu, vận chuyển và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác và khi cần thiết, có thể ban hành giấy phép nhập khẩu có liên quan.

Theo hướng dẫn của tiêu chuẩn này, NPPO và các cơ quan chức năng khác cần:

- Thực hiện PRA đối với các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác trước khi nhập khẩu hoặc nhân thả;
- Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu KDTV nhập khẩu của nước nhập khẩu khi chứng nhận xuất khẩu;
- Thu nhận, cung cấp và đánh giá tài liệu có liên quan đến việc xuất nhập khẩu, vận chuyển và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác một cách thích hợp;
- Đảm bảo các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác được đưa trực tiếp đến các cơ sở kiểm dịch hoặc cơ sở nhân nuôi được chỉ định hoặc thả trực tiếp ra môi trường, nếu thích hợp;
- Khuyến khích giám sát việc nhân thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích nhằm đánh giá tác động đối với những sinh vật mục tiêu và các sinh vật khác.

Trách nhiệm và khuyến nghị đối với phía xuất khẩu bao gồm đảm bảo các chuyển hàng tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác tuân thủ yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu và các hiệp định quốc tế liên quan, bao gói chuyển hàng một cách an toàn và cung cấp dẫn liệu phù hợp liên quan đến các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác.

Trách nhiệm và khuyến nghị đối với phía nhập khẩu bao gồm cung cấp dẫn liệu phù hợp liên quan đến đối tượng dịch hại và các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác cho NPPO hoặc các cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu

TỔNG QUAN

IPPC dựa trên sự phối hợp hành động chung, hiệu quả nhằm ngăn chặn sự lan truyền và xâm nhập của dịch hại thực vật, sản phẩm thực vật và thúc đẩy các biện pháp phòng trừ thích hợp (Điều I của IPPC, 1997). Trong bối cảnh này, các điều khoản của IPPC mở rộng đối với bất cứ loài sinh vật nào có khả năng tiềm ẩn hoặc lây lan dịch hại thực vật, nhất là trong vận chuyển quốc tế (Điều I, IPPC, 1997).

IPPC (1997) có các điều khoản sau liên quan đến việc quản lý các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích khác. Điều VII. 1. quy định rằng "*với mục đích ngăn chặn sự du nhập hoặc lan rộng của các dịch hại thuộc diện điều chỉnh vào vùng lãnh thổ, các Bên tham gia có thẩm quyền quản lý việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện KDTV theo các hiệp định quốc tế thích hợp và vì vậy, có thể...*

c. cấm hoặc hạn chế vận chuyển dịch hại thuộc diện điều chỉnh vào trong lãnh thổ;

d. cấm hoặc hạn chế vận chuyển các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc các sinh vật khác thuộc diện kiểm dịch được cho là có ích lợi khi vào trong lãnh thổ nước mình".

Mục 4.1 của ISPM 20:2004 có phần dẫn chiếu cho quy định đối với tác nhân phòng trừ sinh học, trong đó ghi rõ "*Hàng hoá nhập khẩu thuộc diện điều chỉnh bao gồm các vật thể có khả năng bị lây nhiễm các dịch hại thuộc diện điều chỉnh.... ví dụ về vật thể thuộc diện KDTV: ...*

- dịch hại và tác nhân phòng trừ sinh học".

Tiêu chuẩn sửa đổi này hướng dẫn thực hiện các biện pháp KDTV cũng

như hướng dẫn sử dụng an toàn các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích khác. Trong một số trường hợp, phạm vi hướng dẫn có thể mở rộng vượt ra khỏi phạm vi và quy định của IPPC. Ví dụ, mặc dù nội dung cơ bản của tiêu chuẩn này liên quan đến KDTV nhưng việc sử dụng "an toàn" được đề cập trong tiêu chuẩn này có thể hiểu theo nghĩa rộng hơn, ví như giảm thiểu tác động tiêu cực không thuộc lĩnh vực KDTV. Mỗi quan tâm về KDTV bao hàm khả năng các tác nhân phòng trừ sinh học mới nhập nội có thể tác động lớn đến những sinh vật khác, mà qua đó gây tác động xấu đến các loài thực vật hoặc sức khỏe thực vật trong môi trường cư trú hoặc hệ sinh thái. Tuy nhiên, không phải bất cứ khía cạnh nào của tiêu chuẩn này đều làm thay đổi về phạm vi và nghĩa vụ của IPPC sửa đổi năm 1997 hoặc các tiêu chuẩn quốc tế về KDTV khác.

Cấu trúc bản sửa đổi này tuân thủ phần lớn theo cấu trúc ban đầu của ISPM 3:1995, còn nội dung tiêu chuẩn về cơ bản dựa trên quản lý nguy cơ liên quan đến việc sử dụng các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích khác. Có thể nhận thấy những tiêu chuẩn hiện hành về PRA (ISPM 2:2007 và ISPM 11:2004) là nền tảng cho quá trình đánh giá nguy cơ dịch hại đối với các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích khác. Cụ thể, ISPM 11:2004 có quy định về việc đánh giá nguy cơ dịch hại đối với môi trường, bao gồm cả các vấn đề về môi trường liên quan đến việc sử dụng các tác nhân phòng trừ sinh học.

IPPC có tính đến những nguyên tắc đã được quốc tế công nhận về việc bảo vệ môi trường (Lời nói đầu). Mục đích là tăng cường các biện pháp KDTV thích hợp (Điều I.1). Khi tiến hành PRA theo nguyên tắc này và theo các ISPM khác, cũng như khi xây dựng và áp dụng các biện pháp KDTV, các thành viên của IPPC cần xem xét khả năng tác động lớn đối với môi trường do việc phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác (ví dụ: ảnh hưởng đến các động vật không xương sống khác).

Hầu hết nội dung tiêu chuẩn này dựa trên căn cứ trong đó tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác có thể là dịch hại tiềm tàng, và áp dụng theo Điều VII.1c của IPPC bởi vì các bên tham gia có quyền cấm hoặc hạn chế việc vận chuyển dịch hại thuộc diện điều chỉnh vào lãnh thổ của mình. Trong một số trường hợp, các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác có thể hoạt động như vật mang hoặc đường lan truyền dịch hại thực vật, dạng ký sinh bậc 2, hoặc côn trùng ký sinh bậc 2 và mầm bệnh trên côn trùng. Theo đó, các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác có thể được coi là những vật thể thuộc diện điều chỉnh như quy định tại Điều VII.1 của IPPC và ISPM số 20:2004.

MỤC ĐÍCH CỦA TIÊU CHUẨN

Mục tiêu của tiêu chuẩn này là:

- Tạo điều kiện cho việc xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích một cách an toàn thông qua việc hướng dẫn cho các tổ chức nhà nước và tư nhân liên quan, đặc biệt là thông qua việc xây dựng luật pháp quốc gia.
- Nêu bật nhu cầu hợp tác giữa các nước xuất khẩu và nhập khẩu để:

Đạt được lợi ích nhờ sử dụng các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác với tác động tiêu cực ở mức tối thiểu.

Đẩy mạnh các phương thức sử dụng an toàn và hiệu quả trong khi giảm thiểu nguy cơ tới môi trường do sử dụng tác nhân không đúng cách.

Để thực hiện những mục tiêu này, tiêu chuẩn đưa ra hướng dẫn:

- Khuyến khích thực hiện trao đổi thương mại có trách nhiệm;
- Hỗ trợ các nước xây dựng quy định về xử lý, đánh giá và sử dụng tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác một cách an toàn;
- Đề xuất biện pháp quản lý rủi ro, đảm bảo xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích một cách an toàn;
- Thúc đẩy việc sử dụng an toàn các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác.

YÊU CẦU

1. Chỉ định cơ quan thẩm quyền và quy định trách nhiệm chung

1.1. Các Bên tham gia

Các Bên tham gia phải chỉ định một cơ quan quản lý có đủ thẩm quyền (thường là NPPO) chịu trách nhiệm chứng nhận xuất khẩu và quản lý việc nhập khẩu hoặc phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác thông qua các biện pháp và quy trình KDTV liên quan.

Các Bên tham gia xây dựng những điều khoản để thực hiện các biện pháp KDTV đối với việc xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích.

1.2. Trách nhiệm chung

NPPO hoặc một cơ quan chức năng khác phải xây dựng các quy trình thực hiện tiêu chuẩn này, bao gồm việc đánh giá các văn bản, dẫn liệu liên quan được nêu tại mục 4.

NPPO hoặc một cơ quan thẩm quyền khác cần:

- Thực hiện PRA trước khi nhập khẩu hoặc phóng thả tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác;
- Đảm bảo tuân thủ các quy định của nước nhập khẩu khi tiến hành chứng nhận xuất khẩu;
- Cung cấp và đánh giá các dẫn liệu phù hợp, liên quan đến việc xuất khẩu, vận chuyển, nhập khẩu và phóng thả tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác;
- Đảm bảo rằng các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác được chuyển trực tiếp đến các cơ sở kiểm dịch hoặc cơ sở nhân nuôi để phóng thả trực tiếp ra môi trường nếu thích hợp;
- Đảm bảo các đối tác xuất nhập khẩu phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình;
- Xem xét đến những tác động có thể đối với môi trường như: ảnh hưởng đến các loài động vật không xương sống khác.
- NPPO hoặc cơ quan có thẩm quyền khác nên duy trì trao đổi thông tin và phối hợp với các bên tham gia gồm NPPO của quốc gia khác hoặc các cơ quan chức năng về:
- Đặc điểm của các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích khác;
- Đánh giá nguy cơ, kể cả nguy cơ về môi trường;
- Dán nhãn, đóng gói và bảo quản trong quá trình vận chuyển;
- Quy trình xử lý và gửi hàng;
- Thương mại và phân phối;

- Phóng thả tác nhân;
- Đánh giá hoạt động;
- Trao đổi thông tin;
- Những vụ việc bất ngờ hoặc có hại, và biện pháp khắc phục.

2. Phân tích nguy cơ dịch hại

NPPO của nước nhập khẩu phải xác định liệu có cần PRA đối với một loài sinh vật hay không. NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền có trách nhiệm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu pháp lý khác, mặc dù, chúng không hẳn là nghĩa vụ được quy định trong IPPC.

Cần tiến hành đánh giá nguy cơ dịch hại theo ISPM 2:2007 và Bước 2 của ISPM 11:2004, trong đó có tính đến những yếu tố không chắc chắn và hậu quả môi trường tiềm tàng được quy định trong các tiêu chuẩn này. Bên cạnh đó, các bên tham gia cũng cần đánh giá khả năng tác động đến môi trường, ví dụ: ảnh hưởng đến các động vật không xương sống khác.

Hầu hết các thành viên IPPC đòi hỏi phải hoàn tất việc PRA trước khi nhập khẩu và cung cấp dẫn liệu kỹ thuật, theo quy định tại ISPM 20:2004, thông qua PRA để xác định liệu dịch hại có cần đưa vào diện điều chỉnh cũng như mức độ của các biện pháp KDTV áp dụng. Trong trường hợp việc đánh giá nguy cơ dịch hại đối với một loài sinh vật cụ thể chưa được thực hiện hoặc hoàn thành trước khi nhập khẩu, thì cần phải hoàn tất trước khi phóng thả vào môi trường. Tuy nhiên, quy định cho phép nhập khẩu các tác nhân phòng trừ sinh học sinh vật có ích khác để nghiên cứu và đánh giá trong các cơ sở kiểm dịch trước khi phóng thả. ISPM 20 cho phép các Bên tham gia có thể quy định điều khoản đặc biệt về việc nhập khẩu các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích và chỉ thực hiện nhập khẩu khi có đầy đủ biện pháp an toàn. Trong trường hợp đó, NPPO có thể cho phép nhập khẩu và phải chuẩn bị sẵn sàng tiến hành PRA đầy đủ theo ISPM 11:2004 trước khi phóng thả tác nhân. Khi phát hiện các nguy cơ không thuộc lĩnh vực KDTV, cần thông báo cho các cơ quan chức năng liên quan để có biện pháp đối phó.

Điều quan trọng là phải tiến hành điều tra sâu hơn ở nước xuất khẩu trước khi nhập khẩu tác nhân sinh học hoặc sinh vật có ích để thẩm định độ chính xác và tin cậy của việc đánh giá nguy cơ. Bên cạnh những giải pháp khác, NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền có thể xem xét khả năng thực hiện các cuộc điều tra trên, cùng với sự phối hợp của các cơ quan chức năng ở nước xuất khẩu, theo đúng các thủ tục, quy định liên quan.

3. Trách nhiệm của các Bên tham gia trước khi nhập khẩu

3.1. Trách nhiệm của nước nhập khẩu

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu cần:

3.1.1 Nâng cao nhận thức và tuân thủ tiêu chuẩn này, đồng thời đưa ra những biện pháp KDTV cần thiết để quản lý nhập khẩu, vận chuyển và phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích cũng như củng cố hiệu lực thực thi pháp luật.

3.1.2. Đánh giá dẫn liệu trên dịch hại cần quan tâm và tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích về mức độ nguy cơ chấp nhận khi nhập khẩu (xem mục 4). Các Bên tham gia cần đề ra các biện pháp KDTV phù hợp đối với việc nhập khẩu, vận chuyển, và phương tiện kiểm dịch (gồm công nhận các cơ sở nghiên cứu, biện pháp khoanh vùng và xử lý KDTV) hoặc phóng thả các tác nhân phòng trừ sinh học phù hợp với kết quả đánh giá nguy cơ. Nếu tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích đã xuất hiện trong nước, thì cần có quy định đảm bảo tránh sự lây nhiễm của sinh vật đó, hoặc ngăn không cho chúng kết hợp với các chủng địa phương để tạo ra nguy cơ KDTV mới. Cần hạn chế phóng thả quá nhiều tác nhân sinh học.

3.1.3. Ban hành quy định bắt buộc nước xuất khẩu và các đơn vị xuất nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu, bao gồm:

- Ban hành các văn bản chính thức (giấy phép nhập khẩu);
- Chứng nhận KDTV theo quy định của ISPM 12:2001;
- Văn bản chứng nhận cụ thể;
- Giám định sinh vật để làm mẫu tiêu bản chuẩn trong kiểm dịch;
- Xác định nguồn gốc của các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, bao gồm xuất xứ và nơi sản xuất;
- Biện pháp phòng ngừa đối với thiên địch của tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích và phòng ngừa lây nhiễm;
- Yêu cầu liên quan đến việc đóng gói lô hàng trong quá trình vận chuyển và bảo quản;
- Quy trình xử lý, tiêu hủy bao bì;
- Phương thức xác minh tính hợp lệ của văn bản;

- Phương thức xác minh tính hợp lệ của hàng hoá;
- Điều kiện để mở bao gói hàng hoá;
- Chỉ định các điểm nhập khẩu;
- Chỉ định các nhân và tổ chức tiếp nhận chuyển hàng;
- Yêu cầu về phương tiện lưu giữ tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích;

3.1.4. Đảm bảo xây dựng quy trình để lưu giữ hồ sơ, tài liệu về:

- PRA;
- Hàng nhập khẩu (nhận dạng, xuất xứ, ngày tháng);
- Chăm sóc, nhân nuôi;
- Phóng thả (số lượng thả, ngày tháng, địa điểm) và
- Các dữ liệu khác có liên quan.

Khi cần thiết, có thể cung cấp hồ sơ này cho giới khoa học và công chúng trong khi vẫn đảm bảo quyền sở hữu đối với các dữ liệu này.

3.1.5. Đảm bảo nhập khẩu và xử lý lô hàng thông qua các cơ sở kiểm dịch. Khi trong nước không có các trang thiết bị kiểm dịch an toàn, có thể xem xét nhập khẩu thông qua trạm kiểm dịch tại nước thứ ba được công nhận bởi nước nhập khẩu.

3.1.6. Thông qua PRA, đánh giá nguy cơ xâm nhập các sinh vật khác đi theo tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích. Cần xem xét các biện pháp KDTV áp dụng đối với nhân nuôi tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích trong điều kiện kiểm dịch trước khi phóng thả (ghi nhớ nguyên tắc cần thiết và tác động tối thiểu). Nhân nuôi ít nhất một thế hệ có tác dụng đảm bảo độ tinh khiết của môi trường nuôi và không bị nhiễm ký sinh bậc 2, mầm bệnh và các dịch hại khác, đồng thời tạo thuận lợi cho công tác giám định theo yêu cầu. Điều này đặc biệt cần thiết khi thu thập các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích từ môi trường hoang dại.

3.1.7. Đảm bảo đưa vào bộ sưu tập mẫu tiêu bản tham khảo các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích nhập khẩu (và ký chủ nếu có). Nên gửi nhiều mẫu tiêu bản để đảm bảo nguồn dự phòng.

3.1.8.. Trong trường hợp sử dụng kỹ thuật bắt dục côn trùng, cần đánh dấu những con bắt dục để phân biệt với côn trùng trong tự nhiên.

3.1.9. Thông qua PRA (phù hợp với nguyên tắc cần thiết và tác động tối thiểu), xem xét sau đợt nhập khẩu hoặc lần thả đầu tiên, có thể miễn giảm một số hoặc tất cả các yêu cầu đối với các lần nhập khẩu tiếp theo của cùng loại tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích. Cần nhắc việc công bố danh mục các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích khác được phép hoặc bị cấm nhập khẩu. Các tác nhân phòng trừ sinh học cần đưa vào danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh (được xây dựng và cập nhật bởi các bên tham gia IPPC theo nội dung IPPC và ISPM 9:2003).

3.2. Trách nhiệm của NPPO nước xuất khẩu

NPPO của nước xuất khẩu cần đảm bảo đáp ứng các yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu và ban hành chứng thư KDTV theo Tiêu chuẩn ISPM 12:2001, và theo yêu cầu của nước nhập khẩu đối với các lô hàng tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, nếu chúng được coi là dịch hại tiềm năng hoặc đường lan truyền dịch hại thực vật.

NPPO cũng nên áp dụng các nội dung của tiêu chuẩn này, ngay cả trong trường hợp nước nhập khẩu không có quy định pháp lý về việc nhập khẩu tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích.

4. Trách nhiệm về thủ tục hồ sơ của đối tác nhập khẩu trước khi nhập khẩu

4.1. Yêu cầu về hồ sơ liên quan đến sinh vật mục tiêu

Trước khi nhập khẩu đợt đầu tiên tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích, đơn vị nhập khẩu cần cung cấp thông tin theo yêu cầu cho NPPO hoặc cơ quan chức năng khác của nước nhập khẩu. Đối với tất cả các loại tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, thông tin bao gồm giám định đối tượng sinh vật, thường chính xác đến tên loài. Khi nhập khẩu tác nhân sinh học để phòng trừ dịch hại, thông tin về đối tượng sinh vật gồm có:

- Nguồn gốc xuất xứ và phân bố trên thế giới;
- Đặc tính sinh vật học và sinh thái học;
- Thông tin về ý nghĩa kinh tế và tác động môi trường;
- Những lợi ích và bất lợi có thể nảy sinh do sử dụng tác nhân;
- Thiên địch, sinh vật đối kháng, loài cạnh tranh và các tác nhân phòng trừ sinh học khác đang được sử dụng trong vùng hoặc các khu vực khác trên thế giới.

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu có thể yêu cầu cung cấp các thông tin khác liên quan đến quá trình PRA đối với tất cả các tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích.

4.2. Yêu cầu về hồ sơ liên quan đến các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích.

Trước lần nhập khẩu đầu tiên, Bên nhập khẩu tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích phải phối hợp với Bên xuất khẩu trong việc cung cấp cho NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền hồ sơ tài liệu kèm theo các dẫn chứng khoa học về các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, bao gồm:

- Đặc điểm đầy đủ của tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích để có thể giám định chính xác đến tên loài;
- Bản tổng hợp thông tin về xuất xứ, phân bố toàn cầu, đặc điểm sinh học, thiên địch, ký sinh bậc 2, và tác động tại các khu vực phân bố;
- Thông tin loài ký chủ chuyên tính (danh sách phổ cây chủ đã được xác nhận) của các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, các mối nguy tiềm tàng đối với các cây ký chủ khác.
- Mô tả các loài thiên địch và chất gây ô nhiễm của tác nhân sinh học, quy trình loại bỏ chúng khỏi quần thể trong phòng thí nghiệm, bao gồm các quy trình nhận dạng chính xác và, nếu cần, loại bỏ khỏi môi trường ký chủ nuôi cấy các tác nhân. Cần cung cấp thông tin về các biện pháp KDTV áp dụng trước khi vận chuyển.

4.3. Yêu cầu hồ sơ liên quan đến các mối nguy tiềm tàng và hành động khẩn cấp.

Trước khi nhập khẩu đợt đầu tiên, đơn vị nhập khẩu tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích cần cung cấp tài liệu cho NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền để có thể:

- Xác định mối nguy tiềm tàng về sức khỏe và phân tích nguy cơ đối với các nhân viên bị phơi nhiễm trong quá trình tiếp xúc, xử lý các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích tại phòng thí nghiệm, nơi sản xuất và thực tế áp dụng;
- Lập chi tiết kế hoạch hoặc quy trình hành động khẩn cấp, nếu các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích biểu hiện các đặc tính có hại một cách bất ngờ.

4.4. Yêu cầu hồ sơ liên quan đến nghiên cứu Kiểm dịch thực vật

Đơn vị nhập khẩu tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích cho mục đích nghiên cứu kiểm dịch cần cung cấp thông tin như đã được nêu tại điểm 4.1 và 4.3. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng các sinh vật thu thập trên đồng ruộng do các nhà nghiên cứu nhập khẩu có thể chưa được đánh giá chính xác về phân loại, phổ cây chủ, tác động đến các sinh vật khác, phân bố, đặc tính sinh học và ảnh hưởng trên vùng phân bố ... Sau khi nghiên cứu các tác nhân này trong điều kiện an toàn về kiểm dịch, các nhà khoa học sẽ có câu trả lời cụ thể.

Đơn vị nghiên cứu, với thiết bị kiểm dịch của mình, cần cung cấp các thông tin sau:

- Tính chất của vật liệu dự kiến nhập khẩu;
- Hình thức nghiên cứu;
- Mô tả chi tiết các phương tiện kiểm dịch (bao gồm cả vấn đề an ninh, thẩm quyền và trình độ nhân viên);
- Kế hoạch hành động khẩn cấp cho trường hợp tác nhân thoát ra khỏi cơ sở kiểm dịch.

NPPO hoặc một cơ quan thẩm quyền khác có thể yêu cầu cung cấp thông tin này trước khi chấp thuận cho nghiên cứu. NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền xác minh tính chính xác của tài liệu, kiểm tra trang thiết bị và yêu cầu điều chỉnh nếu cần thiết.

5. Trách nhiệm của bên xuất khẩu

Đơn vị xuất khẩu các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích cần đảm bảo:

- Tuân thủ tất cả các yêu cầu KDTV nhập khẩu theo quy định của nước nhập khẩu hoặc trong giấy phép nhập khẩu (xem mục 3.2, quy định trách nhiệm của NPPO);
- Tất cả các tài liệu phù hợp kèm theo chuyến hàng;
- Bảo đảm đóng gói an toàn nhằm ngăn chặn khả năng phát tán từ bên trong;
- Các sinh vật được xử lý bất dục cần đảm bảo đạt các chỉ tiêu đề ra (ví dụ: đạt liều hấp thụ tối thiểu khi xử lý chiếu xạ). Phía xuất khẩu cần cung cấp thông tin về các biện pháp xử lý và các chỉ số đánh giá hiệu quả tính bất dục.

5.1. Trách nhiệm cụ thể liên quan đến việc phóng thả sinh vật với số lượng lớn

Đơn vị xuất khẩu tác nhân phòng trừ sinh học và sinh vật có ích để phóng thả với số lượng lớn cần cung cấp hồ sơ về biện pháp thực hiện để đảm bảo mức độ ô nhiễm có thể chấp nhận và không vượt quá mức cho phép của NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền khác tại nước nhập khẩu.

6. Trách nhiệm của NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền khi nhập khẩu

6.1. Kiểm tra

Sau khi kiểm tra hồ sơ, tiến hành kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kiểm dịch được chỉ định chính thức (xem mục 3.1.5).

6.2. Kiểm dịch

NPPO đảm bảo các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích được nhân nuôi trong điều kiện kiểm dịch trong khoảng thời gian cần thiết (xem mục 3.1.6).

6.3. Phóng thả

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền có thể cho phép phóng thả trực tiếp các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, với điều kiện tuân thủ tất cả các điều kiện (quy định tại mục 3) và có các bằng chứng khoa học (xem mục 4).

7. Trách nhiệm của NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền trước, trong và sau khi phóng thả.

Trước khi thả tác nhân, NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền cần trao đổi cụ thể về kế hoạch phóng thả có thể gây ảnh hưởng đến các nước láng giềng. Để tăng cường chia sẻ thông tin, có thể thông báo chi tiết kế hoạch cho NPPO trước khi phóng thả.

Nếu chưa tiến hành PRA trước khi nhập khẩu theo tiêu chuẩn ISPM 2:2007 và ISPM 11:2004, thì cần thực hiện PRA trước khi thả, có tính đến những yếu tố không chắc chắn. Ngoài ra, các Bên tham gia cũng cần đánh giá khả năng tác động đến môi trường như ảnh hưởng đến các động vật không xương sống khác.

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền có thể thẩm định hiệu quả của việc xử lý bất dục trước khi phóng thả các sinh vật bất dục.

7.1. Phóng thả

NPPO hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý và kiểm tra các yêu cầu chính thức liên quan đến việc giải phóng các tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, ví dụ, yêu cầu chỉ thả ở những vùng nhất định. Thông qua kiểm tra, có thể thay đổi những yêu cầu liên quan đến nhập khẩu và phóng thả sinh vật.

7.2. Hồ sơ

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền cần lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu để có thể truy nguyên về những tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích.

7.3. Giám sát và đánh giá

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền khác có thể giám sát việc phóng thả tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích để đánh giá và có biện pháp đối phó với tác động trên các loại sinh vật bất kể là đối tượng cần quan tâm hay không. Trong điều kiện thích hợp, cần có hệ thống đánh dấu để tạo điều kiện phân biệt các tác nhân phòng trừ sinh học (ví dụ: côn trùng bắt dục) và sinh vật có ích khác so với sinh vật sống trong tự nhiên và môi trường.

7.4. Biện pháp khẩn cấp

NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu có trách nhiệm xây dựng và phê chuẩn kế hoạch hoặc quy trình khẩn cấp, để áp dụng trong nước khi thích hợp.

Khi xác định được vấn đề (ví dụ: trường hợp gây hại xảy ra bất ngờ) thì NPPO hoặc cơ quan thẩm quyền cần xem xét các biện pháp khắc phục và đảm bảo thực hiện các biện pháp đó và thông báo tới các bên liên quan.

7.5. Truyền thông

NPPO và cơ quan thẩm quyền phải đảm bảo thông báo và hướng dẫn đầy đủ các biện pháp cần thiết cho các Bên cung cấp và sử dụng tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích, nông dân, hội nông dân và các bên liên quan.

7.6. Báo cáo

Các Bên tham gia cần tuân thủ nghĩa vụ thông báo theo qui định của IPPC, ví dụ khi tác nhân phòng trừ sinh học hoặc sinh vật có ích biểu hiện các đặc điểm của dịch hại.